

Số: **738**/UBND-KT

Bỉm Sơn, ngày **20** tháng 4 năm 2018

V/v báo cáo tình hình và giải pháp phát triển cây ăn quả trên địa bàn thị xã Bỉm Sơn.

Kính gửi: Sở Nông nghiệp & PTNT Thanh Hóa.

Thực hiện Công văn số 944/SNN&PTNT-TT ngày 09/4/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa về việc báo cáo tình hình và giải pháp phát triển cây ăn quả trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố, UBND thị xã Bỉm Sơn báo cáo tình hình và giải pháp phát triển cây ăn quả trên địa bàn thị xã cụ thể, như sau:

I. HIỆN TRẠNG SẢN XUẤT CÂY ĂN QUẢ.

Diện tích cây ăn quả trên địa bàn thị xã Bỉm Sơn trong năm 2017 đạt trên 700 ha, trong đó một số cây chủ lực đang cho hiệu quả kinh tế cao là cây dứa, cây vải, nhãn, cây thanh long ruột đỏ. Sản lượng cây ăn quả trong năm 2017 đạt trên 2.982,2 tấn, giá trị sản xuất đạt 26,5 tỷ đồng, chiếm 22,6% giá trị sản xuất của ngành trồng trọt, chiếm 13,5% tỷ trọng sản xuất của ngành nông nghiệp.

Diện tích và sản lượng một số cây trồng chủ lực trên địa bàn thị xã, như sau:

TT	Loài cây ăn quả	Giống chủ yếu	Năm 2017		
			Tổng DT (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Dứa	Queen, Cayen	490,9	40,5	1.988,1
2	Thanh long	Thanh long ruột đỏ	28	39,6	110,88
3	Nhãn	Nhãn lồng, nhãn cùi, nhãn hương chi, nhãn muộn	46,3	37,04	171,5
	Vải	Vải thiều	137	51,8	709,8
Tổng cộng:			702,2		2.982,2

Ngoài ra, còn có một số loại cây ăn quả khác cũng đang cho hiệu quả kinh tế cao trên địa bàn thị xã trong những năm vừa qua, như: Cây cam, Na, Bưởi, ổi,... Tuy nhiên, những loại này có diện tích và sản lượng còn rất khiêm tốn.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ.

- Diện tích sản xuất cây ăn quả còn manh mún, nhỏ lẻ, phân tán; chuyên dịch cơ cấu cây trồng chủ yếu do tự phát.

- Cây ăn quả phát triển “theo phong trào” tiềm ẩn yếu tố kém bền vững, chủ yếu được trồng phổ biến trong vườn của nông hộ.

- Cây giống chưa được quan tâm nên độ tuổi, chất lượng giống không đồng đều, hình thức, mẫu mã, chất lượng sản phẩm chưa cao, hiệu quả hạn chế.

- Hiện nay sản xuất cây ăn quả theo quy trình VietGAP còn ít được quan tâm thực hiện, việc tiêu thụ chủ yếu là các loại quả tươi, không qua chế biến, không có thương hiệu, nhãn hiệu cho các sản phẩm quả.

- Quy trình công nghệ chăm sóc chủ yếu theo phương thức truyền thống, để cho cây trái phát triển tự nhiên.

III. MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN.

1. Mục tiêu:

1.1. Mục tiêu chung:

Khai thác tiềm năng thế mạnh về đất đai, khí hậu trên địa bàn thị xã, tập trung phát triển vùng cây dứa, cây thanh long với quy mô đủ lớn, có sản phẩm hàng hóa tập trung. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho người trồng cây ăn quả, góp phần hoàn thành mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Phân đầu duy trì diện tích các loại cây ăn quả chủ lực đến năm 2020.

+ Cây dứa: Diện tích là 450ha, năng suất 41 tạ/ha, sản lượng 1.845 tấn.

+ Cây thanh long: Diện tích là 30ha, năng suất 40 tạ/ha, sản lượng 120 tấn.

+ Nhãn vải các loại: Diện tích 150ha, sản lượng trên 700 tấn.

- Tổng giá trị cây ăn quả các loại phân đầu đạt trên 30 tỷ đồng/năm.

2. Các giải pháp chủ yếu:

2.1. Giải pháp về thị trường tiêu thụ và xúc tiến thương mại:

- Chủ động quảng bá, giới thiệu sản phẩm ngay tại các chợ buôn bán nông sản nhiều; tham gia các hội chợ về cây ăn quả; tham gia vào hệ thống phân phối tại các thành phố lớn để giới thiệu, quảng bá từng bước xây dựng thương hiệu sản phẩm quả của thị xã.

- Vận động nông dân liên kết thành lập các Tổ hợp tác, Hợp tác xã để tăng cường năng lực sản xuất và khả năng cạnh tranh. Trên cơ sở đó sẽ tạo điều kiện tốt nhất để doanh nghiệp tiêu thụ gắn với vùng sản xuất theo hướng ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm.

- Tăng cường các hình thức liên doanh, liên kết, mời gọi các doanh nghiệp, các nhà đầu tư vào phát triển sản xuất, chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu.

- Thường xuyên khảo sát thị trường, nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng, nhằm xác định loại và giống cây ăn trái phù hợp với từng thời vụ.

- Xây dựng nhãn hiệu sản phẩm quả đặc sản dứa, thanh long ruột đỏ của thị xã Bim Sơn và xây dựng liên kết sản xuất, sơ chế và kinh doanh quả, thành lập các HTX chuyên canh cây ăn quả.

- Thông tin, tuyên truyền kết hợp du lịch sinh thái để tiêu thụ sản phẩm.

2.2. Giải pháp về kỹ thuật:

- Thay dần các giống cũ, trồng giống mới cho năng suất và chất lượng cao.

- Xây dựng chế độ chăm sóc và quy trình bón phân đúng giai đoạn sinh trưởng, phát triển của từng giống, chủng loại cây trồng; của từng vùng tự nhiên.

- Tăng dần cơ giới hóa trong trồng mới, chăm sóc vườn cây ăn trái.

- Chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trong chăm sóc sau thu hoạch vườn cây. Cải tạo vườn tạp, vườn già cỗi; thiết kế vườn trồng mới có mật độ trồng phù hợp cho cây sinh trưởng và phục vụ du lịch sinh thái.

2.3. Giải pháp đảm bảo an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường:

- Tuyên truyền, vận động các hộ gia đình, các HTX trồng cây ăn trái theo quy trình sản xuất an toàn và truy nguyên được nguồn gốc như VietGAP, GlobalGAP nhằm nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm đồng thời đảm bảo các điều kiện về an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng cây ăn trái trên địa bàn thị xã: nhất là tại chợ và các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản.

2.4. Xây dựng các mô hình trang trại:

- Lựa chọn một số trang trại trồng và thâm canh cây ăn quả điển hình (có năng suất, chất lượng, giá trị lợi nhuận cao áp dụng sản xuất theo quy trình thực hành nông nghiệp tốt VietGap), xây dựng mô hình điểm để tổ chức cho hộ nông dân đến học tập.

- Lựa chọn một số trang trại xây dựng mô hình trồng cây ăn quả gắn với chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy cầm, thủy sản, trồng xen canh các cây trồng khác như: Ôi, Ngô, Đậu, lạc... tuyên truyền nhân rộng những mô hình sản xuất hiệu quả, thu nhập cao.

2.6. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong việc sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm quả:

- Thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra việc sản xuất kinh doanh giống cây ăn quả, kinh doanh phân bón, thuốc BVTV... để hạn chế các loại giống cây ăn quả, phân bón, thuốc BVTV chất lượng kém, ngoài danh mục lưu thông trên thị trường làm thiệt hại cho người sản xuất.

- Kiểm tra, giám sát các cơ sở chế biến, bảo quản, ngăn chặn tình trạng đưa các loại quả kém chất lượng, bảo quản bao gói không đúng quy cách, không bảo

đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, sử dụng thuốc bảo quản ngoài danh mục, quá liều lượng lưu thông vào thị trường gây ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng.

2.7. Chính sách hỗ trợ đầu tư:

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 20/4/2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững.

- Hàng năm tổ chức 1 - 2 hội thi tuyển chọn các loại quả, tôn vinh tổ chức, cá nhân đạt thành tích về sản xuất các loại quả có năng suất, giá trị kinh tế cao.

- Tập trung hỗ trợ toàn bộ chi phí khi cho các hộ, các HTX xây dựng nhãn hiệu sản phẩm cây ăn quả.

(Chi tiết có Phục lục 01,02 kèm theo)

UBND thị xã Bỉm Sơn báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa. / *vu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KT.



Tổng Thanh Bình

Biểu 1: Biểu tổng hợp tích trồng, thu hoạch và sản lượng cây ăn quả các loại
 (Kèm theo Công văn số 123/UBND-KT, ngày 20 tháng 4 năm 2018 của UBND thị xã Bim Sơn)

TT	Loại cây trồng	Năm 2015					Năm 2016					Năm 2017					Kế hoạch năm 2018-			
		Tổng diện tích cây ăn quả (ha) Trong đó	DT trồng mới cây ăn quả (ha)	DT thu hoạch cây ăn quả (ha)	Sản lượng (tấn)	Tổng diện tích cây ăn quả (ha) Trong đó	DT trồng mới cây ăn quả (ha)	DT thu hoạch cây ăn quả (ha)	Sản lượng (tấn)	Tổng diện tích cây ăn quả (ha) Trong đó	DT trồng mới cây ăn quả (ha)	DT thu hoạch cây ăn quả (ha)	Sản lượng (tấn)	Tổng diện tích cây ăn quả (ha) Trong đó	DT trồng mới cây ăn quả (ha)	DT thu hoạch cây ăn quả (ha)	Sản lượng (tấn)	DT trồng mới cây ăn quả (ha)	DT thu hoạch cây ăn quả (ha)	Sản lượng (tấn)
	Tổng	646,3	26,9	608,6	2.722,2	689,3	43,04	646,3	2.939,5	723,5	44,76	724,87	3.437,9	1.248	27,5	1.221,6				
1	Cam	5,7	2,1	3,6	58	6,6	0,9	5,7	91,1	7,3	0,7	6,6	105,4	15	2,5	12,5				
2	Bưởi	8,3	1,5	6,7	154,1	10,8	2,5	8,3	190,9	11,3	0,5	10,8	248,4	25	2,8	22,2				
3	Nhãn	41,5	0,7	40,8	150,96	46,3	4,8	41,5	153,5	47	0,7	46,3	171,5	100	3,4	96,7				
4	Xoài	5,8	0,4	5	62,5	7,5	1,7	5,8	72,5	10,5	3	7,5	93,75	24	1,2	22,8				
5	Na	7	0,2	6,5	45,5	8,1	1,1	7	8,9	8,1	0	8,1	10,2	19	0,5	18,5				
6	Vải	110	3	98	499,8	126,67	16,67	110	561	137	10,33	126,67	709,8	250	5,4	244,6				
7	Thanh Long	18	4	13	54,6	20	2	18	75,6	30	2	28	110,8	65	6,7	59,3				
8	Dứa	450	15	435	1.696,5	463,37	13,37	450	1.786	490,9	27,53	490,9	1.988,1	750	5	745				

